TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 332/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 04 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2025/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Vương Thái B, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú và cư trú: A, khu phố N, phường T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Võ Thị Á, sinh năm 1976;

Địa chỉ thường trú và cư trú: A, khu phố N, phường T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, ông B và bà Á cùng nộp đơn "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Quá trình vận động hòa giải, ông B và bà Á thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 27/8/2025. Ông B và bà Á cùng cư trú tại phường T, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào Điều 29, 35 và điểm h, Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn yêu cầu của ông B và bà Á được Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Vương Thái B và bà Võ Thị Ánh C sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2003, quyển số 13 ngày 16/01/2003. Ông B và bà Á xác định có 03 con chung là Vương Tấn L, sinh ngày 08/03/2003, Vương Thuận L1, sinh ngày

14/02/2006 và cháu Vương Thái A, sinh ngày 08/01/2011. Ông B, bà Á thỏa thuận giao cháu A cho bà Á trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm thời ông B không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu L và cháu L1 do đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông B, bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B, bà Á xác định tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông B, bà Á thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông B, bà Á xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông B, bà Á thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của ông B, bà Á đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai chấp nhận đơn yêu cầu của ông B, bà Á.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Vương Thái B và bà Võ Thị Ánh .

- Về con chung: Ông B và bà Á có Vương Tấn L, sinh ngày 08/03/2003, Vương Thuận L1, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Vương Thái A, sinh ngày 08/01/2011. Ông B, bà Á thỏa thuận giao cháu A cho bà Á trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm thời ông B không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu L và cháu L1 do đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông B, bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B, bà Á có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Ông B và bà Á xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vương Thái B và bà Võ Thị Á mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà ông B, bà Á đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000268 ngày 21/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; ông B, bà Á đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ